

Bản án số: 82/2020/DS-ST

Ngày: 16 - 6 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 496/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-DS ngày 26/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Lầu A, Số B – C Nam Kỳ Khởi D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số H đường Quang K, Phường E, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1741/2019/GUQ-TTT ngày 03/10/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số M Trần Xuân N, tổ H, Khu phố H, phường Tân K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2019 (Công văn đến Tòa án ngày 20/12/2019), trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có bà Nguyễn Bích Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nguyên đơn) có ký kết với ông Nguyễn Văn K (bị đơn) các thỏa thuận như sau:

- Bị đơn có ký với nguyên đơn hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Nguyên đơn duyệt cho bị đơn vay số tiền là 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đồng

- Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 271.216.740 đồng, cộng với tiền phí trễ hạn, tiền lãi và các loại phí tiền gốc tổng cộng là 323.140.926 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 256.730.520 đồng và từ tháng 9 năm 2018 thì ngưng không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ.

Tính đến ngày 16/6/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 66.410.406 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng được nguyên đơn duyệt ngày 07/10/2015, trong đó:

+ Nợ gốc: 39.856.346 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 26.554.060 đồng;

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ của hợp đồng nêu trên tính đến ngày 16/6/2020 là 66.410.406 đồng, ngoài ra, kể từ ngày 17/6/2020 bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân ông K vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông K trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn K, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập ông K đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông K không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn ông Nguyễn Văn K là số Số M Trần Xuân N, tổ H, Khu phố H, phường Tân K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được ông K ghi trong giao dịch Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 và các văn bản khác với nguyên đơn đều thể hiện ông K tạm trú tại địa chỉ số Số M Trần Xuân N, tổ H, Khu phố H, phường Tân K, Quận M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an phường Tân Hưng, Quận 7 tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 123/2020/QĐ-CCTLCC ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự Nguyễn Văn K có cấp sổ tạm trú tại địa chỉ nêu trên nhưng đến năm 2015 bỏ địa phương, đi đâu không rõ.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Văn K: theo kết quả trả lời của Công an xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 130/2020/QĐ-CCTLCC ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự ông Nguyễn Văn K có hộ khẩu thường trú tại ấp Hiệp I, xã Hiệp G, huyện Cai H, tỉnh Tiền Giang nhưng đã bỏ địa phương từ năm 2013, hiện nay không có ở địa phương, không rõ địa chỉ đi đâu.

Căn cứ vào Điều 10 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn K. Nay ông K vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Văn K đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/6/2020 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 với số tiền là 66.410.406 đồng, trong đó nợ gốc là 39.856.346 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.554.060 đồng; Yêu cầu trả ngay

một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 17/6/2020, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Văn K, bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn K có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay và giải ngân số tiền 34.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã thanh toán được số tiền 256.730.520 đồng và từ tháng 9 năm 2018 thì ngưng không thanh toán nữa. Tính đến ngày 16/6/2020, ông K còn nợ Ngân hàng số tiền là: 66.410.406 đồng, trong đó nợ gốc là 39.856.346 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.554.060 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 thì ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay bị đơn ông Nguyễn Văn K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 16/6/2020 số tiền là: 66.410.406 đồng, trong đó nợ gốc là 39.856.346 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.554.060 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đính kèm theo hợp đồng và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là 3.320.520 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 68; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn K.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn K phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/6/2020 là 66.410.406 (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn bốn trăm lẻ sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 39.856.346 (Ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn là 26.554.060 (Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày 17/6/2020, ông Nguyễn Văn K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được phê duyệt ngày 07/10/2015 và các văn bản tín dụng cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K phải chịu 3.320.520 (Ba triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm hai mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.336.000 (Một triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0032086 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh